BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 23/2018/TT-BTNMT	*Hà Nội, ngày 15 tháng 11 năm 2019*

THÔNG TƯ

Quy định về tổ chức xác định, thẩm định và phê duyệt kết quả xác định chi phí đánh giá tiềm năng khoáng sản, chi phí thăm dò khoáng sản phải hoàn trả do nhà nước đã đầu tư

Căn cứ Luật khoáng sản năm 2010;

Căn cứ Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật khoáng sản;

Căn cứ Nghị định số 36/2017/NĐ-CP ngày 04 tháng 4 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài nguyên và Môi trường;

Căn cứ Quyết định số 04/2018/QĐ-TTg ngày 23 tháng 01 năm 2018 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy định phương pháp xác định chi phí đánh giá tiềm năng khoáng sản, chi phí thăm dò khoáng sản phải hoàn trả, phương thức hoàn trả; quy định chế độ thu, quản lý, sử dụng chi phí đánh giá tiềm năng khoáng sản, thăm dò khoáng sản do nhà nước đã đầu tư;

Theo đề nghị của Tổng Cục trưởng Tổng cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam và Vụ trưởng Vụ Pháp chế;

Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành Thông tư Quy định về tổ chức xác định, thẩm định và phê duyệt kết quả xác định chi phí đánh giá tiềm năng khoáng sản, chi phí thăm dò khoáng sản phải hoàn trả do nhà nước đã đầu tư.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này quy định chi tiết điểm b khoản 1 Điều 9 Quy định phương pháp xác định chi phí đánh giá tiềm năng khoáng sản, chi phí thăm dò khoáng sản phải hoàn trả, phương thức hoàn trả; quy định chế độ thu, quản lý, sử dụng chi phí đánh giá tiềm năng khoáng sản, thăm dò khoáng sản do nhà nước đã đầu tư được ban hành kèm theo Quyết định số 04/2018/QĐ-TTg ngày 23 tháng 01 năm 2018 của

Thủ tướng Chính phủ (sau đây gọi tắt là Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 04/2018/QĐ-TTg).

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Thông tư này áp dụng đối với:

1. Cơ quan quản lý nhà nước, đơn vị sự nghiệp thực hiện việc xác định, thu, quản lý và sử dụng tiền hoàn trả chi phí đánh giá tiềm năng khoáng sản, chi phí thăm dò khoáng sản.

2. Tổ chức, cá nhân sử dụng số liệu, thông tin về kết quả đánh giá tiềm năng khoáng sản, thăm dò khoáng sản của nhà nước để thăm dò, khai thác khoáng sản.

Điều 3. Trình tự xác định chi phí đánh giá tiềm năng khoáng sản, chi phí thăm dò khoáng sản phải hoàn trả

Việc xác định chi phí đánh giá tiềm năng khoáng sản, chi phí thăm dò khoáng sản phải hoàn trả do nhà nước đã đầu tư (sau đây gọi chung là xác định chi phí hoàn trả) thực hiện theo trình tự sau:

1. Thu thập số liệu, tài liệu:

Số liệu, tài liệu được thu thập gồm: các báo cáo đánh giá tiềm năng khoáng sản, báo cáo kết quả thăm dò khoáng sản được lưu trữ theo quy định tại Điều 3 Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 04/2018/QĐ-TTg; các quyết định phê duyệt trữ lượng khoáng sản, kết quả chuyển đổi trữ lượng khoáng sản; giấy phép thăm dò khoáng sản, giấy phép khai thác khoáng sản và các tài liệu khác có liên quan đến khu vực đề nghị cấp phép khai thác khoáng sản hoặc khu vực đã được cấp phép khai thác khoáng sản.

2. Khảo sát thực tế:

Việc khảo sát thực tế để thực hiện các nhiệm vụ sau:

a) Kiểm tra tính xác thực về vị trí, diện tích, các công trình địa chất đã thi công trong diện tích đề nghị cấp phép khai thác khoáng sản hoặc đã được cấp phép khai thác khoáng sản; các yếu tố liên quan đến điều kiện thi công các công trình địa chất;

b) Kiểm tra hiện trạng khai thác khoáng sản;

c) Kết thúc khảo sát, Đơn vị xác định chi phí hoàn trả lập biên bản khảo sát thực tế, trong đó có đại diện của tổ chức, cá nhân đề nghị cấp giấy phép khai thác hoặc tổ chức, cá nhân đã được cấp phép khai thác khoáng sản và thể hiện đầy đủ kết quả khảo sát theo các nội dung quy định tại điểm a, điểm b khoản này.

3. Đơn vị xác định chi phí hoàn trả lập Báo cáo kết quả xác định chi phí đánh giá tiềm năng khoáng sản, chi phí thăm dò khoáng sản phải hoàn trả do nhà nước đã đầu tư (sau đây gọi chung là Báo cáo kết quả xác định chi phí hoàn trả).

4. Họp kỹ thuật:

a) Đơn vị xác định chi phí hoàn trả tổ chức họp kỹ thuật có đại diện tham gia của cơ quan thường trực thẩm định quy định tại khoản 9 Điều 4 Thông tư này để xem xét về cơ sở pháp lý, phương pháp xác định chi phí hoàn trả; khối lượng các hạng mục công trình địa chất, việc áp dụng định mức kinh tế - kỹ thuật, đơn giá và trữ lượng khoáng sản;

b) Trên cơ sở kết quả họp kỹ thuật, Đơn vị xác định chi phí hoàn trả hoàn thành Báo cáo kết quả xác định chi phí hoàn trả.

5. Họp Hội đồng thẩm định kết quả xác định chi phí hoàn trả (sau đây gọi tắt là Hội đồng thẩm định). Việc tổ chức họp Hội đồng thẩm định thực hiện theo quy định tại Điều 4 Thông tư này.

6. Trình cơ quản lý nhà nước có thẩm quyền phê duyệt kết quả xác định chi phí hoàn trả.

7. Thông báo kết quả xác định chi phí hoàn trả.

Điều 4. Thẩm định kết quả xác định chi phí hoàn trả

1. Việc thẩm định kết quả xác định chi phí hoàn trả được thực hiện thông qua Hội đồng thẩm định do Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây gọi tắt là Ủy ban nhân dân cấp tỉnh) thành lập theo quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều này.

2. Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quyết định thành lập Hội đồng thẩm định đối với hồ sơ đề nghị cấp phép khai thác khoáng sản thuộc thẩm quyền cấp phép của Bộ Tài nguyên và Môi trường. Hội đồng thẩm định có số lượng không quá 11 thành viên, gồm:

a) Chủ tịch Hội đồng thẩm định là lãnh đạo Bộ Tài nguyên và Môi trường;

b) Phó Chủ tịch Hội đồng thẩm định là lãnh đạo Tổng cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam;

c) Các Ủy viên Hội đồng thẩm định gồm 01 đại diện các Bộ: Tài chính, Công Thương (hoặc Bộ Xây dựng đối với trường hợp khoáng sản là vật liệu xây dựng); 01 đại diện Văn phòng Hội đồng đánh giá trữ lượng khoáng sản quốc gia; 01 đại diện đơn vị thuộc Bộ Tài nguyên và Môi trường: Vụ Khoa học và Công nghệ,

Vụ Pháp chế, Vụ Kế hoạch - Tài chính; 02 đại diện Tổng cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam, trong đó 01 là Ủy viên thư ký Hội đồng; 01 đại diện Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi có khoáng sản khai thác.

3. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định thành lập Hội đồng thẩm định đối với hồ sơ đề nghị cấp phép khai thác khoáng sản hoặc giấy phép khai thác khoáng sản đã cấp thuộc thẩm quyền cấp phép của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh. Hội đồng thẩm định có số lượng không quá 09 thành viên, gồm:

a) Chủ tịch Hội đồng thẩm định là lãnh đạo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh;

b) Phó Chủ tịch Hội đồng thẩm định là lãnh đạo Sở Tài nguyên và Môi trường;

c) Các Ủy viên Hội đồng thẩm định gồm 01 đại diện các Sở: Tài chính, Công Thương (hoặc Sở Xây dựng đối với trường hợp khoáng sản là vật liệu xây dựng); 01 đại diện Sở Tài nguyên và Môi trường là Ủy viên thư ký Hội đồng; 01 đại diện cơ quan thuế cấp tỉnh; 01 đại diện Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh nơi có khoáng sản khai thác và một số chuyên gia địa chất, khoáng sản.

4. Nguyên tắc làm việc của Hội đồng thẩm định:

a) Phiên họp chính thức của Hội đồng thẩm định chỉ được tiến hành khi có sự tham gia trực tiếp từ hai phần ba (2/3) trở lên số lượng thành viên Hội đồng thẩm định, trong đó bắt buộc phải có Chủ tịch Hội đồng hoặc Phó Chủ tịch Hội đồng trong trường hợp được Chủ tịch Hội đồng ủy quyền; có đại diện Đơn vị xác định chi phí hoàn trả và có sự tham dự đại diện của tổ chức, cá nhân sử dụng số liệu, thông tin về kết quả đánh giá tiềm năng khoáng sản, thăm dò khoáng sản do nhà nước đã đầu tư;

b) Hội đồng thẩm định tiến hành các phiên họp để xem xét, đánh giá từng Báo cáo kết quả xác định chi phí hoàn trả theo Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 04/2018/QĐ-TTg;

c) Hội đồng thẩm định thảo luận tập thể, công khai, đánh giá và quyết định theo đa số; trường hợp ý kiến đánh giá bằng nhau thì do Chủ tịch Hội đồng thẩm định quyết định;

d) Các hoạt động của Hội đồng thẩm định thực hiện thông qua cơ quan thường trực thẩm định. Cơ quan thường trực thẩm định và trách nhiệm của cơ quan thường trực thẩm định quy định tại khoản 9, khoản 10 Điều này.

5. Trách nhiệm và quyền hạn của Ủy viên Hội đồng thẩm định:

a) Tham gia các phiên họp của Hội đồng thẩm định; xem xét báo cáo kết quả xác định chi phí hoàn trả và các hồ sơ, tài liệu liên quan do cơ quan thường trực

thẩm định cung cấp; đánh giá kết quả chi phí hoàn trả theo Mẫu số 01 ban hành kèm theo Thông tư này;

b) Chịu trách nhiệm trước pháp luật về những nhận xét, đánh giá đưa ra đối với Báo cáo kết quả xác định chi phí hoàn trả;

c) Đối thoại trực tiếp với Đơn vị xác định chi phí hoàn trả tại phiên họp của Hội đồng thẩm định; được bảo lưu ý kiến trong trường hợp có ý kiến khác với kết luận của Hội đồng thẩm định.

6. Trách nhiệm và quyền hạn của Chủ tịch Hội đồng thẩm định:

Chủ tịch Hội đồng thẩm định thực hiện trách nhiệm và quyền hạn của Ủy viên Hội đồng quy định tại khoản 5 Điều này và các quy định sau:

a) Điều hành các phiên họp của Hội đồng thẩm định;

b) Xử lý các ý kiến được nêu trong phiên họp và kết luận phiên họp của Hội đồng thẩm định;

c) Ký biên bản phiên họp Hội đồng thẩm định theo Mẫu số 02 ban hành kèm theo Thông tư này; chịu trách nhiệm trước cơ quan có thẩm quyền phê duyệt kết quả xác định chi phí hoàn trả và trước pháp luật về kết luận đưa ra trong phiên họp của Hội đồng thẩm định;

d) Ủy quyền cho Phó Chủ tịch Hội đồng thẩm định thực hiện trách nhiệm và quyền hạn của Chủ tịch Hội đồng thẩm định trong trường hợp không tham dự phiên họp.

7. Trách nhiệm và quyền hạn của Phó Chủ tịch Hội đồng thẩm định:

Phó Chủ tịch Hội đồng thẩm định thực hiện trách nhiệm và quyền hạn của Ủy viên Hội đồng quy định tại khoản 5 Điều này và trách nhiệm, quyền hạn của Chủ tịch Hội đồng thẩm định trong trường hợp được Chủ tịch Hội đồng thẩm định ủy quyền.

8. Trách nhiệm và quyền hạn của Ủy viên thư ký Hội đồng:

Ủy viên thư ký Hội đồng thực hiện trách nhiệm và quyền hạn của Ủy viên Hội đồng quy định tại khoản 5 Điều này và các quy định sau:

a) Cung cấp Phiếu đánh giá theo Mẫu số 01 ban hành kèm theo Thông tư này cho các thành viên Hội đồng thẩm định;

b) Báo cáo Chủ tịch Hội đồng thẩm định về thành phần tham dự phiên họp Hội đồng, những nội dung chính của hồ sơ, kết quả xác định chi phí hoàn trả;

c) Ghi và ký biên bản các phiên họp của Hội đồng thẩm định theo Mẫu số 02 ban hành kèm theo Thông tư này; chịu trách nhiệm về tính đầy đủ, trung thực của nội dung biên bản họp Hội đồng thẩm định;

d) Thực hiện các nhiệm vụ khác phục vụ cho hoạt động của Hội đồng thẩm định theo yêu cầu của cơ quan thường trực thẩm định hoặc của Chủ tịch Hội đồng thẩm định.

9. Tổng cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam là cơ quan thường trực thẩm định kết quả xác định chi phí hoàn trả đối với hồ sơ đề nghị cấp phép khai thác khoáng sản thuộc thẩm quyền cấp phép của Bộ Tài nguyên và Môi trường. Sở Tài nguyên và Môi trường là cơ quan thường trực thẩm định kết quả xác định chi phí hoàn trả đối với hồ sơ đề nghị cấp phép khai thác khoáng sản hoặc giấy phép khai thác khoáng sản đã cấp thuộc thẩm quyền cấp phép của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

10. Trách nhiệm của cơ quan thường trực thẩm định:

a) Dự thảo quyết định thành lập Hội đồng thẩm định, trình thủ trưởng cơ quan có thẩm quyền quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều này xem xét, quyết định;

b) Tiếp nhận, xem xét hồ sơ đề nghị thẩm định kết quả xác định chi phí hoàn trả hoặc hồ sơ đề nghị phê duyệt kết quả xác định chi phí hoàn trả do Đơn vị xác định chi phí hoàn trả trình. Hồ sơ trình thẩm định hoặc phê duyệt kết quả xác định chi phí hoàn trả gồm: văn bản đề nghị thẩm định hoặc phê duyệt; Báo cáo kết quả xác định chi phí hoàn trả, các bản vẽ và phụ lục kèm theo;

c) Gửi giấy mời Ủy viên Hội đồng thẩm định tham dự phiên họp Hội đồng thẩm định, kèm theo bản sao hồ sơ đề nghị thẩm định kết quả xác định chi phí hoàn trả; mời đại diện tổ chức, cá nhân sử dụng số liệu, thông tin về kết quả đánh giá tiềm năng khoáng sản, thăm dò khoáng sản của nhà nước và đại diện Đơn vị xác định chi phí hoàn trả tham gia phiên họp;

d) Gửi văn bản yêu cầu Đơn vị xác định chi phí hoàn trả thực hiện theo kết luận Hội đồng thẩm định;

đ) Dự thảo Quyết định phê duyệt kết quả xác định chi phí hoàn trả theo Mẫu số 03, Mẫu số 04 ban hành kèm theo Thông tư này;

e) Lưu trữ hồ sơ xác định chi phí hoàn trả theo quy định của pháp luật.

11. Trách nhiệm của Đơn vị xác định chi phí hoàn trả:

a) Thực hiện quy định tại các khoản 1, 2, 3 và khoản 4 Điều 3, điểm c, d khoản 10 Điều 4 Thông tư này và các quy định pháp luật khác có liên quan đến xác định chi phí hoàn trả;

b) Báo cáo, giải trình trước Hội đồng thẩm định về kết quả xác định chi phí hoàn trả tại phiên họp;

c) Chịu trách nhiệm trước cơ quan thường trực thẩm định, trước pháp luật về kết quả xác định chi phí hoàn trả.

Điều 5. Phê duyệt, thông báo kết quả xác định chi phí hoàn trả

1. Bộ Tài nguyên và Môi trường, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, phê duyệt theo thẩm quyền kết quả xác định chi phí hoàn trả do cơ quan thường trực thẩm định trình theo quy định tại điểm a khoản 1, điểm a khoản 3 Điều 9 Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 04/2018/QĐ-TTg.

2. Cơ quan thường trực thẩm định có trách nhiệm gửi Quyết định phê duyệt kết quả xác định chi phí hoàn trả cho tổ chức, cá nhân sử dụng số liệu, thông tin về kết quả đánh giá tiềm năng khoáng sản, thăm dò khoáng sản nhà nước để đầu tư.

Điều 6. Hiệu lực thi hành và tổ chức thực hiện

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 08 tháng 01 năm 2019.

2. Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Tổng Cục trưởng Tổng cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thực hiện Thông tư này./.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Trần Quý Kiên

PHỤ LỤC

(Ban hành kèm theo Thông tư số 23/2018/TT-BTNMT ngày 15 tháng 11 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường)

Mẫu số 01	Phiếu đánh giá kết quả xác định chi phí đánh giá tiềm năng khoáng sản, chi phí thăm dò khoáng sản phải hoàn trả do nhà nước đã đầu tư.
Mẫu số 02	Biên bản họp hội đồng thẩm định kết quả xác định chi phí đánh giá tiềm năng khoáng sản, chi phí thăm dò khoáng sản phải hoàn trả do nhà nước đã đầu tư.
Mẫu số 03	Quyết định phê duyệt kết quả xác định chi phí đánh giá tiềm năng khoáng sản, chi phí thăm dò khoáng sản phải hoàn trả do nhà nước đã đầu tư thuộc thẩm quyền cấp giấy phép khai thác khoáng sản của Bộ Tài nguyên và Môi trường.
Mẫu số 04	Quyết định phê duyệt kết quả xác định chi phí đánh giá tiềm năng khoáng sản, chi phí thăm dò khoáng sản phải hoàn trả do nhà nước đã đầu tư thuộc thẩm quyền cấp giấy phép khai thác khoáng sản của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

Mẫu số 01

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG (ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH...) **HỘI ĐỒNG THẨM ĐỊNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** *Địa danh, ngày... tháng... năm 20...*

PHIẾU ĐÁNH GIÁ

Kết quả xác định chi phí đánh giá tiềm năng khoáng sản, chi phí thăm dò khoáng sản phải hoàn trả do nhà nước đã đầu tư

(tên khoáng sản)... tại khu vực... thuộc xã... huyện.... tỉnh...

1. Đơn vị xác định chi phí hoàn trả:.....

2. Ủy viên Hội đồng:.....

- Chức vụ:.....

- Đơn vị công tác:.....

3. Nội dung đánh giá:

- Cơ sở pháp lý: Phù hợp ☐ Không phù hợp ☐

Ý kiến bổ sung:.....

.....

.....

.....

- Phương pháp tính: Phù hợp ☐ Không phù hợp ☐

Ý kiến bổ sung:.....

.....

.....

.....

- Kết quả tính: Đạt ☐ Không đạt ☐

Ý kiến bổ sung:.....

.....

.....

.....

- Kiến nghị:

.....

.....

.....

- Đánh giá chung: Thông qua ☐ Thông qua có sửa đổi, bổ sung ☐ Không thông qua ☐

ỦY VIÊN HỘI ĐỒNG

(Ký và ghi rõ họ, tên)

Mẫu số 02

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG (ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH...) **HỘI ĐỒNG THẨM ĐỊNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** *Địa danh, ngày... tháng... năm 20...*

BIÊN BẢN HỌP HỘI ĐỒNG THẨM ĐỊNH

Kết quả xác định chi phí đánh giá tiềm năng khoáng sản, chi phí thăm dò khoáng sản phải hoàn trả do nhà nước đã đầu tư

(tên khoáng sản)... tại khu vực... thuộc xã... huyện.... tỉnh...

- Căn cứ Thông tư số.../2018/TT-BTNMT ngày.../.../2018 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định về tổ chức xác định, thẩm định và phê duyệt kết quả xác định chi phí đánh giá tiềm năng khoáng sản, chi phí thăm dò khoáng sản phải hoàn trả do nhà nước đã đầu tư;

- Căn cứ Quyết định số... về việc thành lập Hội đồng thẩm định...

- Hôm nay, ngày... tháng... năm... tại...

I. Thành phần tham dự phiên họp

1.1. Hội đồng thẩm định

- Thành viên có mặt:../... Ủy viên;

- Thành viên vắng mặt:../... Ủy viên.

(Có danh sách hội đồng kèm theo).

1.2. Đơn vị xác định chi phí hoàn trả:....., **đại diện gồm:**

- Họ và tên:

- Chức vụ:

...

1.3. Tổ chức, cá nhân sử dụng số liệu, thông tin về kết quả đánh giá tiềm năng khoáng sản, thăm dò khoáng sản do nhà nước đã đầu tư:.....,

Đại diện gồm:

- Họ và tên:

- Chức vụ:

...

II. Nội dung phiên họp:

Yêu cầu ghi theo trình tự diễn biến theo thực tế của phiên họp hội đồng.

III. Kết luận phiên họp

3.1. Chủ tịch Hội đồng thẩm định công bố kết luận của Hội đồng thẩm định.

3.2. Ý kiến khác của các Ủy viên Hội đồng (nếu có).

3.3. Ý kiến của Đơn vị xác định chi phí hoàn trả (nếu có).

3.4. Ý kiến của Tổ chức, cá nhân sử dụng số liệu, thông tin về kết quả đánh giá tiềm năng khoáng sản, thăm dò khoáng sản của nhà nước để thăm dò, khai thác khoáng sản (nếu có).

3.5. Kết quả đánh giá:

- Thông qua:.../... phiếu.

- Thông qua có sửa đổi, bổ sung:.../... phiếu.

- Không thông qua:.../... phiếu.

Biên bản này được thông qua vào... giờ... phút... cùng ngày./.

THƯ KÝ HỘI ĐỒNG	CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG
(Ký và ghi rõ họ tên)	*(Ký và ghi rõ họ tên)*

Mẫu số 03

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số:...../QĐ-BTNMT	*Địa danh, ngày... tháng... năm...*

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt kết quả xác định chi phí đánh giá tiềm năng khoáng sản, chi phí thăm dò khoáng sản phải hoàn trả do nhà nước đã đầu tư

(tên khoáng sản)... tại khu vực... thuộc xã... huyện.... tỉnh...

BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Căn cứ Luật Khoáng sản năm 2010;

Căn cứ Nghị định số 36/2017/NĐ-CP ngày 04 tháng 4 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài nguyên và Môi trường;

Căn cứ Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật khoáng sản;

Căn cứ Quyết định số 04/2018/QĐ-TTg ngày 23/01/2018 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy định phương pháp xác định chi phí đánh giá tiềm năng khoáng sản, chi phí thăm dò khoáng sản phải hoàn trả, phương thức hoàn trả; quy định chế độ thu, quản lý, sử dụng chi phí đánh giá tiềm năng khoáng sản, thăm dò khoáng sản do nhà nước đã đầu tư;

Căn cứ Thông tư số.../2018/TT-BTNMT ngày.../.../2018 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành Quy định về tổ chức xác định, thẩm định và phê duyệt kết quả xác định chi phí đánh giá tiềm năng khoáng sản, chi phí thăm dò khoáng sản phải hoàn trả do nhà nước đã đầu tư;

Căn cứ Đơn đề nghị cấp giấy phép khai thác khoáng sản số.../... ngày... tháng... năm... của... *(Tên tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép khai thác khoáng sản);*

Căn cứ Biên bản họp Hội đồng thẩm định kết quả xác định chi phí đánh giá tiềm năng khoáng sản, chi phí thăm dò khoáng sản phải hoàn trả do nhà nước đã đầu tư (tên khoáng sản)..... tại khu vực..... thuộc xã... huyện.... tỉnh... lập ngày... tháng... năm 20..;

Xét đề nghị của Tổng Cục trưởng Tổng cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam tại văn bản số.../ĐCKS-KTĐCKS ngày... tháng... năm 20...

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kết quả xác định chi phí đánh giá tiềm năng khoáng sản, chi phí thăm dò khoáng sản phải hoàn trả do nhà nước đã đầu tư của của ...(tên khoáng sản)... tại khu vực... thuộc xã... huyện.... tỉnh... theo Đơn đề nghị cấp giấy phép khai thác khoáng sản số.../... ngày... tháng... năm... của... *(Tên tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép khai thác khoáng sản).*

Điều 2. ...*(Tên tổ chức, cá nhân*) có trách nhiệm nộp toàn bộ số tiền hoàn trả nêu tại Điều 1 của Quyết định này vào Tài khoản số... của Trung tâm Kiểm định địa chất, Tổng cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam mở tại Kho bạc nhà nước thành phố Hà Nội trước khi nộp hồ sơ đề nghị cấp phép khai thác khoáng sản.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng Bộ, Vụ trưởng các Vụ: Kế hoạch - Tài chính, Pháp chế, Khoa học Công nghệ; Tổng Cục trưởng Tổng cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam, Chánh Văn phòng Hội đồng Đánh giá trữ lượng khoáng sản quốc gia, Giám đốc Trung tâm Kiểm định địa chất, ... (*Tổ chức, cá nhân*) chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

BỘ TRƯỞNG

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Bộ Tài chính (để phối hợp);
- UBND tỉnh... nơi khai thác khoáng sản;
- Kho bạc nhà nước TP. Hà Nội (để phối hợp);
- Lưu: VT, ĐCKS (12).

Mẫu số 04

UBND TỈNH...	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số:.../QĐ-UBND	*Địa danh, ngày... tháng... năm 20....*

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt kết quả xác định chi phí đánh giá tiềm năng khoáng sản, chi phí thăm dò khoáng sản phải hoàn trả do nhà nước đã đầu tư

(tên khoáng sản)... tại khu vực... thuộc xã... huyện.... tỉnh...

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH, THÀNH PHỐ...

Căn cứ Luật Khoáng sản năm 2010;

Căn cứ Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật khoáng sản;

Căn cứ Quyết định số 04/2018/QĐ-TTg ngày 23/01/2018 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy định phương pháp xác định chi phí đánh giá tiềm năng khoáng sản, chi phí thăm dò khoáng sản phải hoàn trả, phương thức hoàn trả; quy định chế độ thu, quản lý, sử dụng chi phí đánh giá tiềm năng khoáng sản, thăm dò khoáng sản do nhà nước đã đầu tư;

Căn cứ Thông tư số.../2018/TT-BTNMT ngày.../.../2018 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành Quy định về tổ chức xác định, thẩm định và phê duyệt kết quả xác định chi phí đánh giá tiềm năng khoáng sản, chi phí thăm dò khoáng sản phải hoàn trả do nhà nước đã đầu tư;

Căn cứ Đơn đề nghị cấp giấy phép khai thác khoáng sản số.../... ngày... tháng... năm... của... *(Tên tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép khai thác khoáng sản)* hoặc Giấy phép khai thác khoáng sản... số.../ GP-UBND ngày... tháng... năm... của Ủy ban nhân tỉnh... cấp cho... *(Tên tổ chức, cá nhân được cấp giấy phép)*;

Căn cứ Biên bản họp Hội đồng thẩm định kết quả xác định chi phí đánh giá tiềm năng khoáng sản, chi phí thăm dò khoáng sản phải hoàn trả do nhà nước đã đầu tư (tên kháng sản)... tại khu vực... thuộc xã... huyện.... tỉnh... lập ngày... tháng... năm... 20...;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh..... tại Tờ trình số.../TTr-TNMT ngày... tháng... năm 201..

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kết quả xác định chi phí đánh giá tiềm năng khoáng sản, chi phí thăm dò khoáng sản phải hoàn trả do nhà nước đã đầu tư của... (tên khoáng sản)... tại khu vực... thuộc xã... huyện.... tỉnh... theo Đơn đề nghị cấp giấy phép khai thác khoáng sản số.../... ngày... tháng... năm... của... *(Tên tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép khai thác khoáng sản)* hoặc Giấy phép khai thác khoáng sản... số.../GP-UBND ngày... tháng... năm... của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố... cấp cho... *(Tên tổ chức, cá nhân được cấp giấy phép)* với tổng số tiền là:... đồng *(số tiền viết bằng chữ)*.

Điều 2. ... (*Tên tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép khai thác khoáng sản*) có trách nhiệm nộp toàn bộ số tiền nêu tại Điều 1 của Quyết định này vào Tài khoản số... của.... thuộc....) mở tại Kho bạc nhà nước tỉnh (*tên tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương*) trước khi cấp phép khai thác khoáng sản hoặc... *(Tên tổ chức, cá nhân đã được cấp giấy phép khai thác)* có trách nhiệm nộp toàn bộ số tiền nêu tại Điều 1 của Quyết định này vào Tài khoản số... của.... thuộc....) mở tại Kho bạc nhà nước tỉnh (*tên tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương*) trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân tỉnh, Giám đốc các Sở: Tài nguyên và Môi trường, Tài chính; Giám đốc Kho bạc nhà nước tỉnh; Giám đốc (Thủ trưởng)... *(Đơn vị có tài khoản nêu tại Điều 2 Quyết định này)*;... (*Tên tổ chức, cá nhân*) chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Lưu: VT, TNMT (...).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH